|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/NQ-HĐND | *Sóc Trăng, ngày tháng 12 năm 2023* |

**DỰ THẢO 4**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ
doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Thực hiện* *Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;- Ban Công tác đại biểu;- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);- Chính phủ;- Văn phòng Chính phủ;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Công báo tỉnh;- Email: sotp@soctrang.gov.vn; - TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH
Mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao**

**năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**đến năm 2030***(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình Năng suất chất lượng).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình Năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3. Kinh phí thực hiện**

Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước.

**CHƯƠNG II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Mức c**hi** **thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng**

1. Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng

a) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

b) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp-phích, băng-rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Mức chi bằng 80% mức chi theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

c) Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Áp dụng định mức theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền phổ biến, tập huấn kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng: Mức chi bằng 100% mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi điểm m khoản 2 Điều 2 của Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

 đ) Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm): Áp dụng định mức chi theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2.Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác: Áp dụng định mức bằng 100% mức chi theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 5. Mức chi thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng**

1. Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng: Áp dụng định mức bằng 100% mức chi theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi tổ chức các khóa đào tạo

Tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Áp dụng định mức bằng 100% mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND.

3. Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định: Áp dụng định mức bằng 80% mức thuê chuyên gia quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

**Điều 6. Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

1. Hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và các quy định hiện hành của địa phương; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của địa phương quản lý. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

**Điều 7. Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình Năng suất chất lượng**

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình Năng suất chất lượng; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình Năng suất chất lượng; tổ chức hội thảo khoa học: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành của địa phương.

2. Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành của địa phương.

3. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình Năng suất chất lượng: Áp dụng định mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND.

4. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc) phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Chương trình Năng suất chất lượng: Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

5. Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng: Thực hiện theo pháp luật về thi đua khen thưởng.

6. Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Sóc Trăng và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 8.****Mức chi** **hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh**

1. Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện của Kế hoạch thực hiện Chương trình Năng suất chất lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được hỗ trợ các nội dung như sau:

- Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố.

- Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp.

- Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

2. Nhiệm vụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành của địa phương; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số [88/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-88-2017-tt-btc-co-che-tai-chinh-de-an-dao-tao-boi-duong-nhan-luc-khoa-hoc-cong-nghe-361486.aspx) ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

**Điều 9.** **Điều khoản thi hành**

1. Các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

 2. Trong trường hợp các nội dung khác hoặc nội dung mới phát sinh tại địa phương chưa được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 và các quy định hiện hành của địa phương./.